

BỘ TÀI CHÍNH  
Số: 46-TC/NSNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 1988

## THÔNG TƯ

### Hướng dẫn thi hành Quyết định số 141/HĐBT ngày 6/9/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi tỷ lệ điều tiết một số khoản thu về thuế cho ngân sách địa phương

Thực hiện quyết định số 141/HĐBT ngày 6/9/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi tỷ lệ điều tiết khoản thu thuế công thương nghiệp và thuế nông nghiệp cho ngân sách địa phương, Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

#### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:

- Số thuế công thương nghiệp và thuế nông nghiệp thực thu quy định tại quyết định số 141/HĐBT ngày 6/9/1988 của Hội đồng Bộ trưởng là số thuế thu được đã thanh toán nộp vào ngân sách Nhà nước.
- Toàn bộ số thu thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp (kể cả 10% để lại cho xã bằng hiện vật) đều phải phản ánh đầy đủ vào ngân sách Nhà nước.
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là tỉnh) căn cứ vào tỷ lệ (%) điều tiết số thu thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp cho ngân sách địa phương theo quyết định số 141/HĐBT ngày 6/9/1988 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư hướng dẫn này để quy định tỷ lệ điều tiết cụ thể các khoản thu nói trên cho ngân sách quận, huyện và xã, phường (đối với thuế công thương nghiệp).
- Số thuế công thương nghiệp và thuế nông nghiệp đã thu từ 30/6/1988 trở về trước nhưng chưa được thanh toán thì khi thanh toán nộp vào ngân sách Nhà nước đều phải thực hiện đúng tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo quyết định số 141/HĐBT ngày 6/9/1988.

Đối với số thu thuế công thương nghiệp và thuế nông nghiệp thực nộp vào ngân sách Nhà nước từ 1/7/1988 trở đi được phản ánh trên sổ sách kế toán và báo cáo thu ngân sách của cơ quan Tài chính - Ngân hàng các cấp theo tỷ lệ điều tiết dành cho ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương quy định tại công văn số 354 TC/NSDP ngày 28/5/1986 của Bộ Tài chính, cơ quan Tài chính, Ngân hàng các cấp phải phối hợp chặt chẽ, tiến hành điều chỉnh theo tỷ lệ điều tiết mới và làm thủ tục thoái thu để thanh toán giữa các cấp ngân sách.

5. Thời gian điều chỉnh và thoái thu số thuế công thương nghiệp, nông nghiệp giữa các cấp ngân sách, chậm nhất đến ngày 30/11/1988 phải xử lý xong và phản ánh đầy đủ các khoản thu, chi nói trên vào ngân sách các cấp trước khi khoá sổ thu chi ngân sách Nhà nước cuối năm 1988.

## **II. THỰC HIỆN TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT SỐ THU THUẾ CÔNG THƯƠNG NGHIỆP VÀ THUẾ NÔNG NGHIỆP GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH**

### **1. Về thuế công thương nghiệp**

a. Số thu về thuế công thương nghiệp nộp vào NSNN (bao gồm thuế môn bài, thuế hàng hoá, thuế muối, thuế doanh nghiệp, thuế lợi tức danh nghiệp, trích lãi hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng, thuế buôn chuyển, thuế sát sinh, thuế nhà đất, lệ phí trước bạ và các khoản thu khác về thuế công thương nghiệp) theo tỷ lệ điều tiết mới quy định tại quyết định số 141/HĐBT ngày 6/9/1988 của Hội đồng Bộ trưởng thì ngân sách Trung ương được hưởng 50% và ngân sách địa phương được hưởng 50% (bao gồm cả phần điều tiết lại cho ngân sách xã, phường quy định và hướng dẫn tại thông tư số 08 TC/NSDP ngày 7/3/1984 của Bộ Tài chính về điều tiết thuế muối và thuế công thương nghiệp cho ngân sách xã, phường).

b. Căn cứ vào tỷ lệ điều tiết mới nêu trên và các chứng từ nộp tiền thuế công thương nghiệp vào ngân sách Nhà nước, cơ quan Ngân hàng và Tài chính quận, huyện có trách nhiệm điều tiết số thu cho ngân sách trung ương 50% và địa phương 50%. Đồng thời phân chia 50% số thu ngân sách địa phương được hưởng cho ngân sách tỉnh và ngân sách quận, huyện theo tỷ lệ điều tiết do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định

và hạch toán, phản ánh số thu ngân sách Nhà nước theo chương, loại, khoản, hạng, mục của mục lục NSNN.

c. Phòng Tài chính quận, huyện căn cứ vào số thu thuế công thương nghiệp của từng xã, phường đã nộp vào ngân sách Nhà nước, trích tồn quỹ ngân sách quận, huyện chuyển trả cho ngân sách từng xã, phường theo tỷ lệ điều tiết từng loại thuế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc quận, huyện quy định và ghi vào chương 99 loại 14 khoản 01 hạng 9 mục 97 (chi trả các mục thuế công thương nghiệp cho ngân sách xã, phường). Đồng thời ghi thu vào ngân sách xã, phường theo chương, loại, khoản, hạng và các mục thu về thuế công thương nghiệp tương ứng dành cho ngân sách xã, phường được hưởng theo mục lục ngân sách xã.

## 2. Về thuế nông nghiệp:

Toàn bộ số thuế nông nghiệp thu bằng tiền và bằng hiện vật (kể cả 10% để lại cho xã) được thanh toán nộp vào NSNN và phân chia giữa các cấp ngân sách theo tỷ lệ điều tiết mới quy định tại quyết định số 141/HĐBT ngày 6/9/1988 của Hội đồng Bộ trưởng như sau:

a. Số thuế nông nghiệp thực thu bằng tiền Ban thuế nông nghiệp xã, phường không được giữ lại 10% mà phải nộp kịp thời toàn bộ số tiền thu được vào ngân sách Nhà nước (Tài khoản 630) tại Ngân hàng quận, huyện.

Cơ quan Tài chính, Ngân hàng quận, huyện căn cứ vào số tiền thuế nông nghiệp của từng xã, phường đã nộp vào Ngân sách Nhà nước phân chia số thu giữa các cấp ngân sách được hưởng như sau:

- Ghi thu cho ngân sách ngân sách Trung ương 50% (Tài khoản 640).
- Ghi thu cho ngân sách xã, phường 10% (Tài khoản 700 tiền gửi ngân sách xã).
- Còn lại 40% ghi thu cho ngân sách tỉnh (Tài khoản 660) và ngân sách huyện (Tài khoản 680) theo tỷ lệ (%) điều tiết do UBND tỉnh quy định cho ngân sách tỉnh, ngân sách huyện được hưởng.

b. Số thuế nông nghiệp thực thu bằng hiện vật (bao gồm thóc, màu, lương thực và các loại nông sản khác) được trích để lại cho ngân sách xã, phường 10% bằng hiện vật. Số còn lại phải nộp đầy đủ vào kho lương thực của Nhà nước (đối với thóc và

các loại màu lương thực) và giao nộp cho cơ quan thu mua (đối với các loại nông sản khác).

Đối với số thuế thu bằng hiện vật từ 1/7/1988 đến khi thực hiện Thông tư này đã nhập kho lương thực của Nhà nước (thóc và màu) và giao cho cơ quan thu mua (các loại nông sản khác) đã được thanh toán nộp ngân sách Nhà nước hoặc chưa được thanh toán, thì không phải trích 10% bằng hiện vật trả cho ngân sách xã, mà có thể trừ vào số thuế nông nghiệp thu bằng hiện vật của vụ sắp tới.

Sau khi kết thúc vụ thu thuế nông nghiệp (chậm nhất là 15 ngày) UBND và Ban thuế nông nghiệp xã, phường phải lập báo cáo quyết toán gửi UBND và Phòng Tài chính quận, huyện về tình hình thu thuế nông nghiệp bằng các loại hiện vật và bằng tiền; số thuế để lại 10% cho xã, phường bằng hiện vật; số thuế bằng hiện vật nhập kho lương thực của Nhà nước và giao cho cơ quan thu mua; số tiền thuế nộp vào Ngân sách Nhà nước ...; kèm theo biên bản xác nhận của các cơ quan lương thực, thu mua, Ngân hàng... để Phòng Tài chính quận, huyện kiểm tra, đối chiếu và đơn đốc thanh toán tiền thuế nộp vào ngân sách Nhà nước; đồng thời tổng hợp tình hình thu thuế nông nghiệp trên địa bàn huyện báo cáo UBND quận, huyện và Sở Tài chính tỉnh.

c. Số thuế nông nghiệp thu bằng hiện vật sau khi đã trừ 10% để lại cho ngân sách xã, phường đã nhập kho lương thực của Nhà nước, ngành lương thực và Cục quản lý dự trữ Nhà nước nộp vào ngân sách Nhà nước theo giá quy định tại quyết định số 161-CT ngày 24/5/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về giá thanh toán thóc và màu lương thực thu từ thuế nông nghiệp. Đối với các loại nông sản khác, cơ quan thu mua thanh toán theo khung giá hoặc mức giá thu mua của Nhà nước ở địa phương tại thời điểm thanh toán.

Để phản ánh đầy đủ số thu thuế nông nghiệp bằng các loại hiện vật vào ngân sách Nhà nước (kể cả 10% để lại cho ngân sách xã), cơ quan Tài chính - Ngân hàng quận, huyện căn cứ vào số thuế để lại 10% cho từng xã, phường bằng hiện vật (theo báo cáo quyết toán của Ban Thuế nông nghiệp xã, phường) để ghi thu vào ngân sách Nhà nước theo giá quy định tại quyết định số 161 CT ngày 24/5/1988 của Hội